

Bản án số: 06/2026/HS-ST

Ngày: 04 – 02 – 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tư và ông Nguyễn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2026/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2026 và Thông báo sửa chữa, bổ sung Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 111/2026/TB-TA ngày 22 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trần Minh T, sinh ngày 23/7/2007 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn 14, xã N, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Hồng T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2025 đến nay; đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Đắc R'Lấp cơ sở 1 thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2. Lê Vũ B, sinh tháng 8/2007 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: Không xác định; nơi ở hiện tại: Thôn 3, xã K, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Vũ P và bà Nguyễn Hồng Th; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2025 đến nay; đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Đắc R'Lấp cơ sở 1 thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- Bị hại: Bà Kiều Thị G, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 3, xã K, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Văn M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 14, xã N, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2. Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 3, xã K, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào khoảng tháng 02/2025, Trần Minh T bỏ nhà đi lang thang và quen biết B nên T xin B ở nhờ nhà B để cùng đi làm phụ hồ. Khoảng 13 giờ ngày 15/10/2025, B và T rủ nhau đi tắm ao cách nhà khoảng 500m, trên đường đi đến ao, T thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter, gắn biển kiểm soát 48B1-119.43 của bà Kiều Thị G đang dựng trước hiên nhà thuộc thôn 3, xã K, tỉnh Lâm Đồng không có người trông coi, nên T nảy sinh ý định và rủ B trộm cắp chiếc xe mô tô trên. B và T đi vào nhà hoang đối diện nhà **bà G**, quan sát xem có người trông coi xe mô tô này không, sau đó T nói với B đến vị trí xe mô tô để thực hiện hành vi trộm cắp. Cả hai đi bộ ra khỏi nhà hoang và theo đường bê tông hướng lên hội trường thôn 3, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng vừa đi vừa quan sát xem trong nhà, xung quanh đó có người hay không. Tiếp đến, T tháo dép ra đưa cho B cầm để khi đi không phát ra Tg động, cả hai quay lại nơi xe mô tô đang dựng thì thấy xe mô tô không có chìa khóa, không khóa cổ xe nên T lén lút dắt xe mô tô, còn B đi sau phụ đẩy xe theo đường Phan Chu Trinh về hướng bờ đập Kiến Thành thuộc xã Kiến Đức, đi được khoảng 20m, phát hiện có một đường đất nên T dắt xe vào đường đất rồi đẩy xe vào đám cỏ bụi cất giấu, sau đó cả hai đi về nhà B.

Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 16/10/2025, T và B cầm theo một đèn pin, một tua vít, một kìm, một khóa mui (*các dụng cụ này có sẵn tại nhà B*) đến nơi cất giấu xe mô tô trước đó. T soi đèn pin cho B tháo ốp nhựa rồi cắt dây điện và nối trực tiếp không qua khóa điện, tiếp đó T tháo biển kiểm soát: 48B1-119.43 của xe ra để tránh bị phát hiện. Cả hai điều khiển xe mô tô trộm được đi đến bờ đập Kiến Thành, rẽ vào đường bê tông gần mương thoát nước của đập rồi dừng lại, tháo tem xe ra nhưng không tháo được nên B điều khiển xe chở T về nhà B và cất giấu xe tại chuồng heo bỏ hoang cạnh nhà B.

Ngày 17/10/2025, B đi mua ba chai sơn và một số phụ tùng rồi mang về nhà cùng với T tháo lắp, thay thế các phụ tùng trên xe và sơn lại dàn nhựa của chiếc xe mô tô trộm được thành màu đen. T cắt đôi biển kiểm soát 48AH-010.39 (*biển số xe cũ của nhà B đã bán phế liệu*) và cắt đôi biển kiểm soát 48B1-119.43 xe trộm được thành hai nửa, rồi lấy nửa trên biển số xe trộm được (48B1) và lấy nửa dưới biển số xe cũ (010.39) ghép lại, dán lại thành một biển kiểm soát 48B1- 010.39, nhưng do không giống biển số thật nên T không lắp vào xe. B và T thống nhất với nhau không bán chiếc xe mô tô trộm cắp được mà để làm phương tiện đi lại cho cả hai.

Ngày 20/10/2025, T điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được chở theo bạn là Nguyễn Văn S đi chơi tại phường N, tỉnh Lâm Đồng thì bị lực lượng Cảnh sát giao

thông dừng kiểm tra, nghi vấn chiếc xe trên trộm cắp có được nên bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng xác minh, làm rõ. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng, Trần Minh T và Lê Vũ B đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 27/10/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng kết luận: Xe mô tô, hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu đen, biển số 48B1 – 119.43; số khung: RLCE55P10CY075639, số máy: 55P1075646, tình trạng đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt (ngày 15/10/2025) là 10.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 16/CT-VKS-KV7 ngày 31 tháng 12 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng đã truy tố các bị cáo Trần Minh T và Lê Vũ B về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Minh T và Lê Vũ B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/10/2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Vũ B từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/10/2025.

Việc xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2; các điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại: Exciter, màu sơn đen, không gắn biển kiểm soát, số khung: 5P10CY075639; số máy: 55P1075646; 02 bửng nhựa chắn gió trước xe mô tô màu sơn trắng; 01 ổ khóa điện xe mô tô đã qua sử dụng; 01 ống bô xe mô tô đã qua sử dụng, màu đen; 01 dè chắn bùn bánh sau bằng nhựa, màu đen, đã qua sử dụng cho bà Kiều Thị G là chủ sử dụng hợp pháp.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại: 02 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 19 cm; 02 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 17 cm; 01 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 14 cm; 02 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 13 cm; 02 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 12 cm; 01 lục giác bằng kim loại màu bạc, dạng chữ L; 01 khóa chữ T bằng kim loại, đường kính 10mm; 01 tua vít kim loại, cán nhựa màu xám; 01 kim kim

loại, tay cầm bọc nhựa màu xám; 01 đèn pin đội đầu cho ông Đ là chủ sử dụng hợp pháp.

Đối với: 04 nửa biên kiểm soát được cắt ngang, gồm: Một nửa biên kiểm soát số (48-B1) được ghép, dán keo với một nửa biên kiểm soát số (010.39) và hai nửa biên kiểm soát số (48-AH), số (119.43) không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng ngày 05 tháng 01 năm 2026).

Việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Chấp nhận các bị cáo Lê Vũ B và Trần Minh T đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 10.000.000 đồng để sửa chữa xe mô tô cho bà Kiều Thị G. Sau khi nhận đủ số tiền trên, bà G không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại bà Kiều Thị G đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Vũ B. Đối với bồi thường thiệt hại **bà G** không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn M và bà Nguyễn Hồng T không yêu cầu các bị cáo bồi hoàn lại số tiền ông M, bà T bỏ ra để bồi thường cho bị hại bà Kiều Thị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nhưng ông S đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai các bị cáo, bị hại và người làm chứng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập hợp pháp được lưu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, khoảng 14 giờ ngày 15/10/2025, tại nhà bà Kiều Thị G thuộc thôn 3, xã K, tỉnh Lâm Đồng, Trần Minh T rủ Lê Vũ B và cùng với Lê Vũ B thực hiện hành vi

lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter, biển kiểm soát 48B1-119.43 của bà Kiều Thị G, tại thời điểm chiếm đoạt chiếc xe có trị giá là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Minh T và Lê Vũ B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người dân, dùng hành vi lén lút để chiếm đoạt tài sản, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật hình sự B vệ, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, trong đó T là người rủ rê B trộm cắp tài sản nên bị cáo T có vai trò cao hơn bị cáo B, do đó cần căn cứ mức hình phạt đối với bị cáo T cao hơn bị cáo B.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 10.000.000 đồng để sửa chữa xe mô tô cho bà Kiều Thị G, nên các bị cáo được các hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, tại phiên tòa bị hại bà Kiều Thị G đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B nên bị cáo B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Căn cứ vào tính chất, vai trò, mức độ, hậu quả nguy hiểm về hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, kết hợp với xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, đồng thời nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Việc xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2; các điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại: Exciter, màu sơn đen, không gắn biển kiểm soát, số khung: 5P10CY075639; số máy: 55P1075646; 02 bửng nhựa chắn gió trước xe mô tô màu sơn trắng; 01 ổ khóa điện xe mô tô đã qua sử dụng; 01 ống bô xe mô tô đã qua sử dụng, màu đen; 01 dè chắn bùn bánh sau bằng nhựa, màu đen, đã qua sử dụng cho bà Kiều Thị G là chủ sử dụng hợp pháp.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại: 02 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 19 cm; 02 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 17 cm; 01 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 14 cm; 02 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 13 cm; 02 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 12 cm; 01 lục giác bằng kim loại màu bạc, dạng chữ L; 01 khóa chữ T bằng kim loại, đường kính 10mm; 01 tua vít kim loại, cán nhựa màu xám; 01 kìm kim loại, tay cầm bọc nhựa màu xám; 01 đèn pin đội đầu cho ông Đ là chủ sử dụng hợp pháp.

Đối với: 04 nửa biển kiểm soát được cắt ngang, gồm: Một nửa biển kiểm soát số (48-B1) được ghép, dán keo với một nửa biển kiểm soát số (010.39) và hai nửa biển kiểm soát số (48-AH), số (119.43) không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng ngày 05 tháng 01 năm 2026).

[9] Việc bồi thường thiệt hại: Chấp nhận các bị cáo Lê Vũ B và Trần Minh T đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 10.000.000 đồng để sửa chữa xe mô tô cho bà Kiều Thị G. Sau khi nhận đủ số tiền trên, **bà G** không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[10] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt đối với các bị cáo, về xử lý vật chứng và bồi thường thiệt hại là phù hợp, cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Lê Vũ B và Trần Minh T mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Minh T và Lê Vũ B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Minh T **09** (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/10/2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Vũ B **06** (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/10/2025.

2. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2; các điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại: Exciter, màu sơn đen, không gắn biển kiểm soát, số khung: 5P10CY075639; số máy: 55P1075646; 02 bửng nhựa chắn gió trước xe mô tô màu sơn trắng; 01 ổ khóa điện xe mô tô đã qua sử dụng; 01 ống bô xe mô tô đã qua sử dụng, màu đen; 01 dè chắn bùn bánh sau bằng nhựa, màu đen, đã qua sử dụng cho bà Kiều Thị G là chủ sử dụng hợp pháp.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại: 02 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 19 cm; 02 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 17 cm; 01 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 14 cm; 02 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 13 cm; 02 cờ lê bằng kim loại màu bạc, kích cỡ 12 cm; 01 lục giác bằng kim loại màu bạc, dạng chữ L; 01 khóa chữ T bằng kim loại, đường kính 10mm; 01 tua vít kim loại, cán nhựa màu xám; 01 kìm kim loại, tay cầm bọc nhựa màu xám; 01 đèn pin đội đầu cho ông Đ là chủ sử dụng hợp pháp.

Tịch thu, tiêu hủy: 04 nửa biển kiểm soát được cắt ngang, gồm: Một nửa biển kiểm soát số (48-B1) được ghép, dán keo với một nửa biển kiểm soát số (010.39) và hai nửa biển kiểm soát số (48-AH), số (119.43).

(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng ngày 05 tháng 01 năm 2026).

3. Việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận Lê Vũ B và Trần Minh T đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục số tiền 10.000.000 đồng để sửa chữa xe mô tô cho bà Kiều Thị G. Sau khi nhận đủ số tiền trên, **bà G** không yêu cầu, đề nghị gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không đề cập xử lý.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Lê Vũ B và Trần Minh T mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn M, bà Nguyễn Hồng T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PC 10 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Xuân Diệu